

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 61/2021/HS-ST  
Ngày 27 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Nguyễn Hữu Q.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** ông Hà Xuân N, ông Hoàng Quốc T

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:*** ông Đoàn T M, là Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa:*** ông Trịnh Ngọc H - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2021/TLST- HS ngày 31/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Bùi Văn C, tên gọi khác: không, sinh ngày 01/01/2003 tại xã G, huyện G, tỉnh N.

Nơi cư trú: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; trình độ văn hóa: lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Bùi Văn Ph và bà Bùi Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 16/02/2021, C bị Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 02/QĐ-UBND, với thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 16/5/2021; nhân thân: ngày 14/4/2020, bị Công an xã G, huyện G, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “C cáo” về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, đã được xóa; ngày 20/10/2020, bị Công an xã G, huyện Gia Viễn xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “C cáo” về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, đã được xóa; biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào. Có mặt.

***Bị hại:*** bà Bùi Thị Th, sinh năm 1965. Vắng mặt – có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: thôn Th, xã G, huyện G, tỉnh N.

***Người làm chứng:*** bà Bùi Thị H, anh Tô Văn S. Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn C là người không có nghề nghiệp ổn định, biết bà Bùi Thị T (*là bác ruột của C*), sinh năm 1965, ở thôn T, xã G, huyện G cùng thôn với C, thường cất tiền tiết kiệm ở trong tủ tại buồng ngủ và cất chìa khóa buồng ngủ tại khe tường giữa nhà cấp 4 và nhà mái bằng. C đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà T để tiêu xài cá nhân. Trong các ngày 08/6/2021 và 04/7/2021 Cảnh đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tiền của bà T, cụ thể như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 08/6/2021, Cảnh đi bộ từ nhà sang nhà bà T, khi đến nơi Cảnh thấy nhà bà T không có ai ở nhà, công ra vào, cửa chính và cửa bếp mở, nên Cảnh nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Cảnh đi đến khe tường giữa nhà cấp 4 và nhà mái bằng để tìm chìa khóa cửa buồng của bà T. Cảnh thấy 01 chìa khóa buồng ngủ ở trong khe tường nên C đã lấy, rồi dùng tay phải mở khóa cửa buồng vào trong buồng ngủ, rồi khép cửa buồng lại. Cảnh tìm xung quanh thì thấy chiếc chìa khóa tủ của bà T đang treo ở móc quần áo trên tường, Cảnh lấy chìa khóa mở ngăn tủ bên phải (hướng từ ngoài vào) thì thấy có 02 túi xách nữ giả da, C mở túi màu vàng đen ra kiểm tra thấy bên trong không có tiền nên để lại vị trí cũ, Cảnh tiếp tục lấy túi xách màu đen có kẻ hoa văn màu trắng ra kiểm tra thì thấy ở ngăn lưng có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, Cảnh lấy ra 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng là 3.000.000 đồng bỏ vào túi quần phía trước bên phải sau đó để túi xách lại vị trí ban đầu, đóng cửa tủ, rồi khóa lại và treo chìa khóa tủ vào vị trí ban đầu, khi Cảnh đi ra đến gần cửa buồng thì gặp bà Bùi Thị Hiền, sinh năm 1941, trú tại thôn T, xã G, huyện Gia Viễn (là bà nội của Cảnh, mẹ đẻ ở cùng với bà T), bà Hiền hỏi: "*mày vào trong này làm gì?*" nhưng Cảnh không nói gì đi ra khỏi buồng ngủ bà T và về nhà. Số tiền trộm cắp được Cảnh đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày bà T biết mình bị mất số tiền 3.000.000 đồng, đồng thời nghe bà H kể việc phát hiện C vào phòng ngủ bà T, tuy nhiên số tiền bị mất ít và C là cháu bà T nên bà T không trình báo với Công an.

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 04/7/2021, C đi bộ từ nhà đến nhà bà T mục đích để tiếp tục trộm cắp tài sản, thấy cổng và cửa nhà bà T khóa ngoài, không có ai ở nhà, nên C đã trèo qua cánh cổng sắt nhà bà T để vào trong sân. Cảnh tiến đến vị trí khe tường giữa nhà cấp 4 và nhà mái bằng nơi bà T để chìa khóa cửa nhà, cửa buồng lấy chìa khóa mở cửa nhà, cửa buồng ngủ nhà bà T, sau đó C lấy chìa khóa tủ ở móc quần áo trên tường, C mở ngăn tủ bên phải (hướng từ ngoài vào) để tìm tài sản, C thấy bên trong ngăn tủ có 02 túi xách nữ giả da, Cảnh lấy chiếc túi xách màu đen có kẻ hoa văn màu trắng ra kiểm tra ở ngăn lưng túi thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, Cảnh lấy ra một xấp tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng bỏ vào túi quần và để túi xách lại vị trí ban đầu, khóa cửa tủ, treo chìa khóa ở vị trí cũ, sau đó đi ra ngoài khóa cửa buồng và cửa nhà và để chìa khóa ở vị trí ban đầu, rồi trèo qua cổng theo lối vào đi về nhà. Khi về nhà C lấy số tiền vừa trộm cắp được của bà T ra đếm được tổng số tiền là 6.000.000 đồng, sau đó C đến nhà anh Tô Văn S, sinh ngày 06/9/2003, trú tại thôn T, xã G, huyện G nhờ anh Sơn chở đến nhà nghỉ Thành Công ở xã Yên, huyện Ý, tỉnh N thuê phòng nghỉ để sáng hôm sau thì bắt xe đi tỉnh Thái Nguyên làm ăn và đã sử dụng số tiền trộm cắp được tiêu xài cá nhân hết. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, bà T đi làm về nhà mở tủ lấy tiền để trả tiền mua lúa thì

phát hiện số tiền 6.000.000 đồng để trong túi xách không còn, đồng thời nghi ngờ Bùi Văn C trộm cắp số tiền nêu trên nên đã trình báo với cơ quan Công an. Ngày 05/7/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã tiến hành triệu tập Bùi Văn C để làm việc.

Quá trình điều tra, Bùi Văn C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 61/CT-VKS-GV ngày 30/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Bùi Văn C ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Văn C như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội “trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các điểm g, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 18 (mười tám) tháng tù đến 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo không có ý kiến đề nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan C sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 08/6/2021, C đi bộ từ nhà sang nhà bà Bùi Thị T. Lợi dụng bà T không có ai ở nhà, cổng ra vào, cửa chính và cửa bếp mở, nên C đã lén lút dùng 01 chìa khóa tủ (của bà T đang treo ở móc quần áo trên tường), C lấy chìa khóa mở ngăn tủ bên phải (hướng từ ngoài vào) và lấy được 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng là 3.000.000 đồng để trong chiếc túi xách màu đen có kẻ hoa văn màu trắng. Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 04/7/2021, C đi bộ từ nhà đến nhà bà T, dù cổng và cửa đã khóa nhưng C vẫn trèo qua cổng để vào. C tiến đến vị trí khe tường giữa nhà cấp 4 và nhà mái bằng nơi bà T để chìa khóa cửa nhà, cửa

buồng lấy chìa khóa mở cửa nhà, cửa buồng ngủ nhà bà T, sau đó C lấy chìa khóa tủ ở móc quần áo trên tường, mở ngăn tủ bên phải (hướng từ ngoài vào) và lấy được 12 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng là 6.000.000 đồng để trong chiếc túi xách màu đen có kẻ hoa văn màu trắng. Như vậy, rõ ràng chỉ trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã hai lần có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Bùi Thị T tổng số tiền là 9.000.000 đồng đúng như Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và số tiền mà bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1, 5 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C đã hai lần liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội và thực hiện hành vi phạm tội với bà Bùi Thị T là người bị khuyết tật nặng nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” và “*phạm tội đối với người khuyết tật nặng*” theo quy định tại các điểm đ, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo có nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và là người có nhân thân xấu nên cần có một hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn C bản thân của bị cáo C không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[7]. Về trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 9.000.000 đồng mà Bùi Văn C chiếm đoạt của bà T. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo C đã tự nguyện hoàn trả cho bà T số tiền 9.000.000 đồng, bà T đã nhận đủ số tiền trên, đồng thời không yêu cầu C phải bồi thường cho mình bất cứ khoản tiền gì khác nên phần trách nhiệm dân sự Tòa không xét.

Đối với anh Tô Văn S, là người chở bị cáo đến đến nhà nghỉ Thành Công, ở xã Y, huyện Y, tỉnh N thuê phòng nghỉ. Anh S không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản nên anh Sơn không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, các điểm điểm g, k khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

**1.** Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội "trộm cắp tài sản ". Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**3.** Về án phí: buộc bị cáo C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh N;
  - VKSND tỉnh N;
  - VKSND huyện G;
  - Trại tạm giam CA tỉnh N;
  - Công an huyện G;
  - Chi cục THADS huyện G;
  - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
  - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Q**

